

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO-BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Hoàng Xuân Long¹, Hoàng Lan Chi
Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Tóm tắt:

Hiện có nhiều nhận định khá lạc quan từ quốc tế về tương lai tăng trưởng kinh tế dài hạn của Việt Nam. Để nhìn nhận đúng các nhận định này cần đi vào phân tích một số vấn đề bản chất của tăng trưởng cao và bền vững ở các nước đang phát triển. Có các chuyển đổi đáng chú ý là: chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi theo biến động của bối cảnh thế giới, chuyển đổi từ nguồn lực FDI thành nguồn lực trong nước, chuyển đổi từ sử dụng và bắt chước sang sáng tạo công nghệ, chuyển đổi từ chủ yếu phát triển tuần tự sang chủ yếu phát triển bắt kịp và chủ yếu phát triển đón đầu. Các chuyển đổi cơ bản lý giải thành công trong việc duy trì tăng trưởng cao của một số nước, thất bại vì sự chững lại đã tăng trưởng cao của nhiều nước và chỉ ra nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện để có được tăng trưởng cao-bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế; Tăng trưởng kinh tế; Việt Nam.

Mã số: 22112201

CHALLENGES TO HIGH-SUSTAINABLE ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM

Abstract:

The international world is currently making a lot of positive remarks about the prospects for Vietnam's long-term economic growth. To properly recognize these statements, it is necessary to analyze some of the fundamental issues of high and sustainable growth in developing countries. There have been some notable transformations, including the transformation of the economic growth model, adaptation to global context fluctuations, conversion of FDI resources into domestic resources, shift from use and imitation to technological innovation, and switch from primarily sequential to primarily catch-up and primarily forward-looking development. The fundamental transformations explain the success and failure of some countries in maintaining high growth and indicate the specific task to be performed to achieve high-sustainable growth in Vietnam.

Keywords: Economy; Economic growth; Vietnam.

1. Nhận định từ quốc tế về tương lai tăng trưởng kinh tế dài hạn của Việt Nam

Đang có những nhận định khá lạc quan từ quốc tế về tương lai tăng trưởng kinh tế dài hạn của Việt Nam. Một số dự báo sự duy trì tăng trưởng kinh tế

¹ Liên hệ tác giả: hoangxuan_long@yahoo.com

cao trong tương lai ở Việt Nam (điển hình như Báo cáo về dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế đến năm 2030 của Trung tâm Phát triển Quốc tế thuộc Đại học Harvard). Một số dự báo tăng trưởng kinh tế sẽ đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao, thuộc vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu trên thế giới (điển hình như Hamada Kazuyuk trong cuốn sách “Cường quốc trong tương lai - vẽ lại bản đồ thế giới năm 2030”, Ngân hàng HSBC trong Báo cáo “Thế giới đến năm 2050”). Một số nhận định tăng trưởng kinh tế sẽ đưa Việt Nam trở thành cường quốc kinh tế, cường quốc công nghệ mới (điển hình như chuyên mục phân tích và bình luận kinh tế quốc tế của kênh truyền thông điện tử inquirer.net của Philippines ngày 24/9/2022, trang tin trực tuyến của Tổ chức Nghiên cứu Kinh tế Toàn cầu có trụ sở tại Singapore). Một số nhận định tăng trưởng kinh tế đưa Việt Nam “con hổ mới”, đóng vai trò đầu tàu, bộ phận tăng trưởng kinh tế của khu vực và thế giới (điển hình như Business Times tháng 02/2022, Le Petit Journal tháng 6/2022, Pam Insight tháng 3/2022, Nikkei Asia ngày 27/9/2022). Đó là những nhận định đáng chú ý bởi nhiều ý kiến, từ nhiều nước và về nhiều mặt cơ bản của phát triển kinh tế. Một số nhận định còn dựa trên các mô hình tính toán mang tính khoa học như kết quả nghiên cứu của Trung tâm Phát triển Quốc tế thuộc Đại học Harvard. Nhân đây, cần bàn thêm về khả năng tăng trưởng kinh tế dài hạn trong tương lai của Việt Nam.

Mong muốn của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng là đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời, duy trì trong một thời gian dài, tạm gọi là tăng trưởng cao-bền vững. Tăng trưởng cao-bền vững là mức tăng trưởng trung bình đủ cao và kéo dài tới thời điểm vượt ngưỡng thu nhập bình quân đầu người của các nước đang phát triển và chuyển sang thu nhập bình quân đầu người của các nước công nghiệp phát triển. Nói cách khác, tăng trưởng cao-bền vững hướng tới mục tiêu chuyển nước đang phát triển thành nước công nghiệp phát triển.

Có thể hình dung rõ hơn tăng trưởng cao-bền vững ở Việt Nam thông qua thách thức gắn liền các chuyển đổi cơ bản như chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi theo biến động của bối cảnh thế giới, chuyển đổi từ nguồn lực FDI thành nguồn lực trong nước, chuyển đổi từ sử dụng và bắt chước sang sáng tạo công nghệ, chuyển đổi từ chủ yếu phát triển tuần tự sang chủ yếu phát triển bất kịp và chủ yếu phát triển đón đầu.

2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng được duy trì bằng cách gia tăng tích lũy tài sản và hiệu quả sử dụng trong hoạt động kinh tế. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thời gian qua vốn cơ bản dựa vào khai thác tài nguyên, sử dụng lao động giá rẻ, mở rộng quy mô vốn. Cách thức tăng trưởng này sẽ sớm tiến tới giới hạn và cần được thay thế. Để duy trì tăng trưởng cao-bền vững cần tiến hành

chuyên đổi mô hình tăng trưởng. Chuyên đổi mô hình tăng trưởng là thay đổi mang tính toàn diện, sâu sắc và liên tục.

Phải chuyển từ dựa vào tài nguyên, lao động, vốn sang dựa vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển từ định hướng nâng cao trình độ giới hạn trong sản xuất sang định hướng tăng cường NC&PT và tiếp thị; chuyển từ cơ cấu kinh tế lạc hậu sang cơ cấu kinh tế hiện đại. Vấn đề không phải chỉ là thêm mới, bớt cũ các yếu tố tham gia hoạt động kinh tế, mà còn là chuyển hóa trong nội tại các yếu tố cũ; chẳng hạn, người lao động phải nâng cao trình độ, thay đổi tác phong,... để có thể kết hợp hài hòa, hiệu quả với KH&CN tiên tiến.

Phải tiến hành nhiều quá trình chuyển đổi không ngừng nối tiếp nhau tương ứng với các tầng nấc, cấp độ phát triển phải trải qua. Theo tiêu chí công nghiệp hóa có các tầng nấc là: tiền công nghiệp hóa (phổ biến là các công nghệ truyền thống - dựa trên kinh nghiệm); đang công nghiệp hóa (chú trọng nhập công nghệ từ nước ngoài); bán công nghiệp hóa (bắt chước, cải tiến công nghệ nhập từ bên ngoài); công nghiệp hóa mới (NIC) (kết hợp công nghệ tự làm với công nghệ nhập); dẫn đầu trong công nghiệp hóa (phát triển nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm để tạo ra công nghệ mới). Theo tiêu chí trình độ phát triển công nghệ có các tầng nấc là: nhập công nghệ để thỏa mãn nhu cầu tối thiểu...; tổ chức hạ tầng kinh tế ở mức tối thiểu để tiếp thu công nghệ nhập...; tạo nguồn công nghệ từ nước ngoài thông qua lắp ráp (SKD, CKD, IKD)...; phát triển công nghệ nhờ lixăng; đổi mới công nghệ nhờ nghiên cứu và triển khai; xuất khẩu công nghệ trên cơ sở nghiên cứu và triển khai; liên tục đổi mới công nghệ dựa trên đầu tư cao về nghiên cứu cơ bản. Theo năng lực công nghệ có các tầng nấc: hàm lượng lao động cao (labor intensive) ở đó công nghệ được ứng dụng mà không cần sự hiểu biết; hàm lượng kỹ năng cao (skill intensive), năng lực ứng dụng công nghệ với những kỹ năng kỹ thuật cao, hiệu quả trong chọn lựa công nghệ, hiệu quả trong ứng dụng công nghệ và hiệu công nghệ; hàm lượng công nghệ cao (technological intensive), có kỹ năng để tiến hành thiết kế và cải tiến sản phẩm, nhưng những đặc điểm chính của chúng không thay đổi; nghiên cứu và triển khai, có năng lực để nghiên cứu và triển khai các đặc trưng chính của sản phẩm hiện có.

Như vậy, để chuyên đổi mô hình tăng trưởng kinh tế sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn và vượt qua nhiều trở ngại. Tăng trưởng cao-bền vững sẽ không thể duy trì khi:

- Thiếu vắng chuyển đổi ở một mặt nào đó;
- Thiếu quan hệ phối hợp đồng bộ giữa các mặt;
- Thiếu kết hợp hài hòa giữa yếu tố cũ và mới;

- Thiếu quá trình chuyển đổi mới nối tiếp quá chuyển đổi cũ.

3. Chuyển đổi theo biến động của bối cảnh thế giới

Tăng trưởng kinh tế cao ở nước ta trong thời gian qua đặt trong bối cảnh chung của thế giới đã từng tồn tại. Trong tương lai, bối cảnh chung có thể thay đổi trên nhiều mặt về liên kết quốc tế, cạnh tranh thương mại, khủng hoảng kinh tế, xung đột vũ trang, dịch bệnh, cách mạng công nghệ, cách mạng công nghiệp, quan hệ kinh tế và môi trường,... Biến động của bối cảnh chung trên thế giới ảnh hưởng tác động tới tăng trưởng kinh tế và đòi hỏi phải thích ứng nhằm tận dụng các cơ hội cũng như vượt qua các thách thức.

Thích ứng với bối cảnh chung trên thế giới là các chuyển đổi đa dạng tùy theo từng loại biến động. Chẳng hạn, với biến động về liên kết quốc tế, cạnh tranh thương mại và xung đột vũ trang, cần thay đổi nguồn cung các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh tế, thị trường tiêu thụ sản phẩm, đối tác kinh tế,...; với biến động về cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp, cần thay đổi về định hướng phát triển, cách thức khai thác các nguồn lực,... Ở đây có cả linh hoạt điều chỉnh nhanh và có cả kiên trì thay đổi một cách cơ bản. Không chỉ chuyển từ thụ động sang chủ động, mà còn chuyển từ học theo kinh nghiệm các nước sang sáng tạo cách đối phó những vấn đề nảy sinh mới đối với tất cả các nước.

Tăng trưởng cao-bền vững sẽ duy trì khi tiếp cận được các cơ hội và vượt qua thách thức từ biến động của bối cảnh chung. Ngược lại, tăng trưởng cao-bền vững sẽ không thể duy trì khi:

- Thiếu một trong số các loại chuyển đổi thích ứng với biến động của bối cảnh chung;
- Đối với từng chuyển đổi, thiếu một trong các điểm cần thiết như tính chủ động, tính linh hoạt, tính sáng tạo;
- Thiếu liên tục trong chuyển đổi thích ứng với các biến động của bối cảnh chung vốn diễn ra theo nhiều thời gian khác nhau.

4. Chuyển đổi từ nguồn lực FDI thành nguồn lực trong nước

Tăng trưởng cao ở Việt Nam thời gian qua có sự góp sức đáng kể của FDI. Tuy nhiên, dựa nhiều vào FDI không thể đảm bảo tăng trưởng cao-bền vững bởi một phần là hạn chế của FDI trong việc giúp các nước đi sau cạnh tranh hiệu quả với các nước phát triển hàng đầu, mặt khác, luôn có khả năng FDI chuyển khỏi Việt Nam để sang các nước khác.

Cần chuyển đổi nguồn lực về vốn, công nghệ, quản lý, thị trường từ FDI thành năng lực trong nước. Đây là công việc khó khăn bởi liên quan tới

khác biệt lợi ích giữa các bên và phải tiến hành thay đổi mang tính cách mạng đối với lực lượng trong nước.

Mặt khác, chuyển đổi nguồn lực FDI thành nguồn lực trong nước là quá trình nhiều giai đoạn với các cấp độ khác nhau. Có thể nói tới 4 cấp độ sau:

- *Cấp độ 1*: FDI mang tới nước sở tại các kết quả của quan hệ liên kết KH&CN và sản xuất được thực hiện ở bên ngoài. Các kết quả đó là những công nghệ, hình thức tổ chức quản lý, ngành nghề kinh tế mới,...

- *Cấp độ 2*: Mỗi quan hệ KH&CN và sản xuất được thực hiện trong các đơn vị FDI hoạt động ở các nước đang phát triển. So với cấp độ 1, mỗi quan hệ KH&CN và sản xuất ở cấp độ 2 đầy đủ hơn, toàn diện hơn. Các đơn vị FDI hoạt động tại các nước đang phát triển không chỉ tiến hành sản xuất mà còn tiến hành các hoạt động KH&CN và thực hiện gắn kết KH&CN với sản xuất. Hiện diện ở nước đang phát triển không chỉ có các doanh nghiệp FDI mà còn có tổ chức NC&PT của FDI. Một điều khá nổi bật là các trung tâm nghiên cứu của FDI tại các nước đang phát triển ngày càng được nâng cao về trình độ và vị thế - bản thân chúng là những mắt xích trong hệ thống NC&PT toàn cầu. Mặt dù đặt trụ sở ở các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển nhưng những trung tâm nghiên cứu này có mối liên kết rộng rãi và chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới.

- *Cấp độ 3*: Mỗi quan hệ KH&CN và sản xuất không chỉ giới hạn trong phạm vi FDI (như cấp độ 2) mà mở rộng ra các phạm vi khác của nền kinh tế. Xuất hiện các quan hệ giữa hoạt động sản xuất của FDI với hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN bản địa, hoạt động KH&CN của FDI với hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bản địa;... Những quan hệ liên kết và hợp đồng phụ trong hoạt động kinh tế có thể thực hiện trong lĩnh vực NC&PT.

- *Cấp độ 4*: các tổ chức kinh tế và tổ chức KH&CN bản địa làm chủ năng lực được truyền từ FDI.

Chuyển đổi từ nguồn lực FDI thành nguồn lực trong nước cũng là chuyển đổi vai trò giữa FDI và lực lượng trong nước. Sự lớn mạnh của lực lượng trong nước đủ sức thay thế FDI đảm bảo độc lập, tự chủ trong phát triển kinh tế và duy trì tăng trưởng cao-bền vững. Ngược lại, tăng trưởng cao-bền vững sẽ không thể duy trì khi:

- Thiếu chuyển hóa nguồn lực từ FDI thành nguồn lực trong nước về một trong các mặt: vốn, công nghệ, quản lý, thị trường;
- Không thực hiện được một trong các bước của quá trình chuyển hóa nguồn lực từ FDI thành nguồn lực trong nước.

5. Chuyển đổi từ sử dụng sang bắt chước và sáng tạo công nghệ

Tăng trưởng kinh tế ở nước ta vừa qua chủ yếu dựa vào sử dụng công nghệ của thế giới. Để tiếp tục tăng trưởng cao một cách bền vững trong tương lai, cần thoát khỏi phụ thuộc công nghệ từ bên ngoài và chuyển sang bắt chước, sáng tạo công nghệ.

Từ sử dụng sang bắt chước và sáng tạo công nghệ đòi hỏi phải chuyển đổi nhiều yếu tố có liên quan như: lao động, vốn, hạ tầng, tổ chức,... Không chỉ đổi mới từng loại yếu tố mà đổi mới cả quan hệ giữa các yếu tố - nói cách khác là đổi mới cả hệ sinh thái chi phối hoạt động về công nghệ.

Đồng thời, cũng có một số đổi mới ít được chú ý liên quan tới tìm hiểu nguyên lý khoa học trong công nghệ, phối hợp doanh nghiệp và tổ chức KH&CN, mối quan hệ giữa công nghệ và nhu cầu thị trường. Sử dụng cần đi sâu vào tìm hiểu nguyên lý có trong công nghệ nhập; bắt chước cần vận dụng nguyên lý có trong công nghệ nhập để tái tạo công nghệ nhập; sáng tạo là phát triển nguyên lý có trong công nghệ nhập đủ khả năng tạo ra công nghệ mới, hoặc kết hợp nguyên lý có trong công nghệ nhập với nguyên lý khoa học khác (thành nguyên lý mới) để tạo ra công nghệ mới.

Sử dụng công nghệ được doanh nghiệp tiến hành nhưng cần sự tư vấn chuyên gia công nghệ từ các tổ chức KH&CN. Trong làm chủ công nghệ nhập, doanh nghiệp cần sự hỗ trợ của các tổ chức KH&CN để tìm hiểu nguyên lý chìm ẩn trong công nghệ. Để bắt chước công nghệ, yêu cầu thấu hiểu kỹ về nguyên lý khoa học càng đòi hỏi tổ chức KH&CN tham gia sâu hơn. Đến sáng tạo công nghệ, vai trò của tổ chức KH&CN càng nổi bật. Nhiều hoạt động của sáng tạo đòi hỏi phải tiến hành bởi những nhà KH&CN chuyên nghiệp và tổ chức KH&CN chuyên nghiệp. Vai trò của tổ chức KH&CN được thay đổi từ chỗ là thành phần hỗ trợ dần trở thành thành phần chính. Chuyển đổi vai trò của tổ chức KH&CN theo chiều hướng từ thấp đến cao, bước trước làm tiền đề và chuẩn bị cho bước sau.

Sử dụng công nghệ phải hiểu biết về kỹ thuật và cũng đòi hỏi hiểu biết sâu về thị trường. Tính hiệu quả trong sử dụng công nghệ nhập biểu hiện ở hiệu quả kinh tế vốn phụ thuộc vào khả năng khai thác nhu cầu thị trường hơn là khối lượng sản phẩm, dịch vụ làm ra nhiều hay ít. Bắt chước công nghệ gắn với cái tiền kỹ thuật thường tỏ rõ được ý nghĩa khi nhằm những đổi mới tương ứng về nhu cầu thị trường. Sáng tạo công nghệ thực sự có ý nghĩa lớn nếu hướng tới nhu cầu thị trường mới. Khi công nghệ có sẵn không đáp ứng được nhu cầu mới thì cần phải tạo ra công nghệ mới. Công nghệ mới được tạo ra trong nước có khả năng cạnh tranh với bên ngoài thông qua khả năng đáp ứng thị trường mới. Đặc biệt, đạt tới bước sáng tạo công nghệ sẽ tạo nên bước ngoặt to lớn: chuyển sang hướng vào sản phẩm mới (cạnh tranh ở

giai đoạn đầu của sản phẩm), thị trường mới thay vì phát triển dựa trên sản phẩm cũ (cạnh tranh ở giai đoạn cuối của sản phẩm), thị trường cũ.

Chuyển đổi từ sử dụng sang bắt chước và sáng tạo công nghệ được thể hiện ở cả phạm vi nền kinh tế/quốc gia với các thời kỳ khác nhau về cấp độ. Chẳng hạn, Chỉ số thành tựu công nghệ (Technology Achievement Index - TAI)² chia ra các cấp độ: (1) Chậm thích nghi (Marginalized): sự truyền bá công nghệ và xây dựng kỹ năng tiến triển chậm, phần lớn dân số đều không được hưởng các lợi ích từ sự truyền bá công nghệ cũ; (2) Thích nghi năng động (Dynamic Adapters): rất năng động trong việc sử dụng các công nghệ mới, có trình độ kỹ năng con người cao hơn đáng kể so với thời kỳ (1) nhưng sự truyền bá công nghệ cũ vẫn còn chậm và không hoàn chỉnh; (3) Có tiềm năng dẫn đầu (Potential Leaders): đã đầu tư vào kỹ năng con người ở mức cao và phổ biến các công nghệ cũ một cách rộng rãi, nhưng ít sáng tạo; (4) Dẫn đầu (Leaders): chiếm vị trí dẫn đầu về sáng tạo, phổ biến công nghệ và xây dựng kỹ năng. Trên bình diện quốc tế, từ sử dụng sang bắt chước và sáng tạo công nghệ là thay đổi vị thế từ phụ thuộc công nghệ bên ngoài sang chi phối công nghệ các nước khác,...

Các chuyển đổi trên thực sự là những khó khăn, thách thức to lớn và kèm theo là những khả năng gây ảnh hưởng tới tăng trưởng cao-bền vững. Tăng trưởng cao-bền vững sẽ không thể duy trì khi:

- Thiếu chuyển đổi cần thiết ở một trong các yếu tố có liên quan;
- Thiếu đổi mới về tìm hiểu nguyên lý khoa học trong công nghệ, phối hợp doanh nghiệp và tổ chức KH&CN, mối quan hệ giữa công nghệ và nhu cầu thị trường;
- Không vượt qua được các thời kỳ và cấp độ để trở thành quốc gia sáng tạo công nghệ.

6. Chuyển đổi từ phát triển tuần tự sang tăng cường phát triển bất kịp và phát triển đón đầu

Phát triển tuần tự là chủ yếu vẫn đạt mức tăng trưởng kinh tế cao nhưng chỉ trong một giới hạn nhất định. Muốn duy trì tăng trưởng cao sẽ phải chuyển sang phát triển bất kịp là chủ yếu và tiếp nữa là phát triển đón đầu là chủ yếu.

Có sự khác nhau đáng kể giữa phát triển tuần tự, đi tắt và đón đầu. Với phát triển tuần tự, mục tiêu là nhằm vào trình độ phát triển hiện có ở các nước phát triển. Khó khăn trong phát triển đi tắt, một phần do hiện tại có nhiều dạng và trạng thái phát triển khác nhau ở các nước phát triển, từ đó, chọn ra

² UNDP: Báo cáo Phát triển con người, năm 2001.

một mục tiêu phù hợp, phần nữa là phải có sự khám phá mới trong xác định con đường tiến tới mục tiêu. Với phát triển đón đầu, mục tiêu nhằm vào những điều chưa hề tồn tại trên thực tế và sẽ phải đi trên con đường chưa có trong lịch sử. Khó khăn ở phát triển đón đầu là phải tự xác định mục tiêu mới và tự tìm kiếm con đường mới. Một so sánh khác về nghiên cứu và ứng dụng (*Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi, 2021*): Trong phát triển tuần tự, nghiên cứu và ứng dụng hướng vào trình độ công nghệ cao hơn thế hệ công nghệ phổ biến trong nước và thấp hơn thế hệ công nghệ tiên tiến hiện tại đang có trên thế giới; đến phát triển đi tắt, nghiên cứu và ứng dụng hướng vào trình độ công nghệ tiên tiến hiện tại đang có trên thế giới; tới phát triển đón đầu, nghiên cứu và ứng dụng hướng vào trình độ công nghệ mới mang tính tương lai (sẽ diễn ra trong tương lai hoặc đại diện cho trình độ tương lai).

Chuyển đổi duy trì tăng trưởng cao-bền vững là từ chủ yếu phát triển tuần tự sang chủ yếu phát triển bắt kịp và sang chủ yếu phát triển đón đầu. Đó không chỉ là một phần phát triển tuần tự chuyển sang phát triển bắt kịp, một phần phát triển bắt kịp chuyển sang phát triển đón đầu mà còn thêm những chuyển động phức tạp khác. Phát triển bắt kịp sẽ thay thế phát triển tuần tự về phần tỷ lệ chính trong nền kinh tế và thể hiện ở những ngành/lĩnh vực kinh tế nòng cốt; tương tự với phát triển đón đầu thay thế phát triển bắt kịp.

Trên thực tế, hiện tại Việt Nam mới ở phần đầu của phát triển bắt kịp là chủ yếu. Theo đó, để duy trì tăng trưởng cao trong tương lai, Việt Nam sẽ phải trải qua những chuyển đổi khá cơ bản. Tăng trưởng cao-bền vững sẽ không thể duy trì khi:

- Thiếu mở rộng phần tỷ lệ cần có của phát triển bắt kịp và phát triển đón đầu;
- Thiếu sự thể hiện của phát triển bắt kịp và phát triển đón đầu trong các ngành/lĩnh vực kinh tế nòng cốt;
- Thiếu sự thể hiện của phát triển bắt kịp và phát triển đón đầu trong vai trò nền tảng của nền kinh tế và vị thế của Việt Nam so với thế giới.

Kết luận

Cần có quan niệm phù hợp về tăng trưởng cao-bền vững. Bản chất của tăng trưởng cao-bền vững là duy trì tăng trưởng kinh tế cao thông qua các chuyển đổi. Trước hết, phải đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao, tiếp theo là trụ vững mức tăng trưởng đã có bằng các chuyển đổi thay vì duy trì trạng thái cũ.

Như trình bày ở các phần trên, tăng trưởng cao-bền vững gắn với những chuyển đổi theo nhiều yêu cầu bên ngoài, trên nhiều mặt, qua nhiều tầng

nắc phát triển, liên tục, kèm theo rủi ro,... Đó cũng là những chuyển đổi cơ bản, mang tính chất xác lập lại các giới hạn trong phát triển. So với lập luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lập luận tăng trưởng kinh tế đường như đơn giản hơn và gần nhu cầu thực tế hơn, tuy nhiên, vẫn không thể thoát ly tăng trưởng kinh tế khỏi phát triển kinh tế và hy vọng đạt được tăng trưởng cao-bền vững mà bỏ qua tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhìn lại các nhận định quá lạc quan của thế giới dành cho Việt Nam, có thể thấy nhiều điểm bất hợp lý. Việc dựa vào tăng trưởng kinh tế trong một giai đoạn để suy đoán tăng trưởng chung của nhiều giai đoạn là không hợp lý. Việc lấy thành tích tăng trưởng đã qua làm giá trị tiêu chuẩn xét đoán tăng trưởng trong tương lai là không hợp lý. Việc coi nhẹ các chuyển đổi sẽ phải thực hiện trong duy trì tăng trưởng cao là không hợp lý. Việc đề cao một số yếu tố bất biến như vị trí địa kinh tế, truyền thống lịch sử, phẩm chất cần cù của người lao động,... đến mức lấn át, thay thế các yếu tố khác có tác động đến tăng trưởng kinh tế là không hợp lý. Ngay cả khi dựa trên các phân tích phức tạp, thì việc sử dụng công thức dự báo tăng trưởng ngắn hạn cho tăng trưởng dài hạn cũng không hợp lý. Sự không hợp lý của các nhận định như trên đã từng được thực tế chỉ rõ trong các dự báo trước đây về tăng trưởng cao-bền vững của Thái Lan, Philippines, Argentina, Brazil,...

Không chỉ thiếu cơ sở lập luận vững chắc, một số nhận định trong báo chí quốc tế có thể chỉ đơn giản nhằm gây ấn tượng trong đưa tin tức về tình hình hiện tại, hoặc để các nước đang ganh đua với Việt Nam phải tích cực nâng cao mức tăng trưởng kinh tế hơn nữa,... Về phía Việt Nam, các nhận định tăng trưởng kinh tế lạc quan có cả điểm lợi và điểm hại. Điểm lợi là tạo hứng khởi trong hoạt động kinh tế, tăng hấp dẫn trong thu hút đầu tư từ nước ngoài, giúp mở rộng quan hệ đối tác với bên ngoài,... Điểm hại là gây chủ quan ảo tưởng trong phát triển kinh tế, tăng cảnh giác từ các đối thủ cạnh tranh, tăng yêu cầu nâng cao nghĩa vụ đóng góp với thế giới, gây thất vọng nặng nề khi thực tế không diễn ra theo mong muốn. Điều quan trọng là phải nắm được thực chất để tranh thủ tác động tích cực và tránh tác động tiêu cực.

Nhiều phân tích trong bài viết này chú trọng vào việc chỉ ra các khả năng đà tăng trưởng cao ở Việt Nam có thể bị chững lại. Các nội dung về nguy cơ đe dọa tăng trưởng cao-bền vững không chỉ nhằm phản biện các nhận định quốc tế, không chỉ phù hợp với thực tế là có quá nhiều thất bại trên thế giới, mà còn bởi coi các nguy cơ chính là vấn đề cần nỗ lực giải quyết trên con đường tăng trưởng cao-bền vững.

Hướng tới mục tiêu cơ bản và dài hạn đã được Đảng và Nhà nước chú ý trong nhiều văn kiện quan trọng. Mong muốn sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới là nguyện vọng của nhiều thế hệ người Việt Nam. Tuy

nhiên, sẽ có thêm ích lợi khi nhân mạnh: không chỉ nhìn gần, nhìn xa mà còn cần thấy rõ con đường, quá trình kết nối từ gần đến xa; không chỉ mong muốn, quyết tâm mà còn phải nỗ lực, khôn khéo vượt qua các rào cản trong quá trình phát triển; không chỉ tích cực phát huy thành tựu đạt được, tận dụng khí thế đang có mà còn phải rèn luyện bản lĩnh khắc phục các rủi ro, thất bại nhất thời để kiên trì mục tiêu phát triển. Thành công và thất bại là hai mặt đối lập trong tăng trưởng cao-bền vững nhưng phân cách chỉ bằng ranh giới mong manh liên quan tới các chuyển đổi đã nêu ở các phần trên. Ranh giới này không chỉ có ý nghĩa cảnh báo mà còn chỉ ra nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện để có được tăng trưởng cao-bền vững ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Kinh tế trung ương (2017). Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Hà Nội, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Ngân hàng Thế giới - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ.
3. Hoàng Lan Chi, Hoàng Bình Minh (2017). “Phát triển bất kịp của các nước đi sau”. Tạp chí Chính sách và quản lý KH&CN, số 1/2017.
4. Hoàng Xuân Long (2014). “Thúc đẩy chu trình nhập - làm chủ - bắt chước - sáng tạo công nghệ”. Tạp chí KH&CN Việt Nam, số 6/2014.
5. Hoàng Xuân Long (2001). “Nguyên nhân tụt hậu của các nước đang phát triển về quan hệ gắn kết KH&CN và sản xuất”. Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 3/2001.
6. Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi. “Phát triển tuần tự, đi tắt và đón đầu trong chiến lược khoa học và công nghệ ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030”. Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á số 3/2021.
7. Báo cáo về dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế đến năm 2030 của Trung tâm Phát triển Quốc tế Đại học Harvard Hoa Kỳ, công bố vào tháng 7 năm 2022.